

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 8 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Cao Hùng.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;
2. Bà Trần Thị Hồng Minh.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Út Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2022/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972.

Cư trú tại: Tổ 5, ấp M, xã P, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967;

Cư trú tại: Tổ 5, ấp M, xã P, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1991 đến nay, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng cuộc sống hôn nhân lúc đầu hạnh phúc, tuy nhiên thời gian sau

vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thành D, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị S, sinh năm 1998. Hai con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi tự lao động nuôi sống được bản thân, bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 7 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: ông và bà Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1991 cho đến nay, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau thường xuyên. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thành D, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị S, sinh năm 1998. Hai con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi tự lao động nuôi sống được bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung tên Nguyễn Thành D, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị S, sinh năm 1998, do cả 02 con chung đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông T.

[2] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng bà H và ông T không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Mặt khác, quá trình chung sống từ năm 2018 đến nay, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: **bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung tên Nguyễn Thành D, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị S, sinh năm 1998.** Do 02 người con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi, đã tự lao động nuôi sống được bản thân, bà H và ông T không yêu cầu giải quyết, nên cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: **bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung tên Nguyễn Thành D, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị S, sinh năm 1998.** 02 người con chung đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân. Ghi nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003955 ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; bà Hằng đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT ;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (N³).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(ĐÃ KÝ)

Lê Cao Hùng